

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 701 /BTS-TCKT  
V/v công bố thông tin ký kết hợp đồng  
với người có liên quan của Công ty.

Hà Nam, ngày 12 tháng 04 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- 1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.**
- 2. Mã chứng khoán: BTS.**
- 3. Địa chỉ trụ sở chính: Xã Thanh Sơn-Huyện Kim Bảng-Tỉnh Hà Nam.**
- 4. Điện thoại: 02263.851.323; Fax: 02263.851.320-02263.852.482.**
- 5. Người thực hiện công bố thông tin.**

Người thực hiện công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn là Ông Phạm Trần Việt – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.

**6. Nội dung của thông tin công bố.**

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn xin công bố:  
Nghị quyết số 698/BTS-HĐQT ngày 12/04/2024 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận việc ký hợp đồng mua bán Clinker với Công ty Cổ phần Vicem thạch cao xi măng.

**7. Địa chỉ Website đăng tải.**

Website: vicembutson.com.vn hoặc: vicembutson.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, TGĐ Cty (đề b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TL.TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG *itz*



Phạm Trần Việt



**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc chấp thuận việc ký hợp đồng mua bán clinker**  
**với Công ty cổ phần Vicem thạch cao xi măng**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn tại Tờ trình số 693/BTS-TGD ngày 11/4/2024 về việc đề nghị Hội đồng quản trị chấp thuận việc ký hợp đồng với đơn vị có liên quan;

Căn cứ Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị Công ty số 150/BTS-HĐQT ngày 12/4/2024 về việc chấp thuận việc ký hợp đồng mua bán clinker với người có liên quan.


**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận việc ký hợp đồng mua bán clinker với Công ty cổ phần Vicem thạch cao xi măng theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại Tờ trình số 693/BTS-TGD ngày 11/4/2024.

**Điều 2.** Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai các thủ tục ký kết hợp đồng và thực hiện các nội dung khác có liên quan, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:   
- Như Điều 3;  
- VICEM (để b/c);  
- Ban Kiểm soát;  
- Lưu: VT, TC, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  


**Đào Tuấn Khôi**



TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

Số: 693/BTS-TGD

V/v đề nghị HĐQT chấp thuận việc  
ký hợp đồng với đơn vị có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 11 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn;

Căn cứ Văn bản số 689/TXM-TTTT ngày 11/4/2024 của Công ty CP VICEM thạch cao xi măng về việc đăng ký nhu cầu mua clinker năm 2024;

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu thị trường tiêu thụ xi măng, clinker năm 2024 của Công ty.

Năm 2024, Công ty dự kiến tiêu thụ 3.170.000 tấn sản phẩm (trong đó xi măng 2.820.000 tấn, clinker 350.000 tấn). Tuy nhiên, hiện nay nhu cầu tiêu thụ xi măng và clinker rất thấp, Công ty đã nỗ lực làm việc với các đối tác để tăng sản lượng nhưng số lượng đơn hàng không nhiều, làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan bao gồm: “**Cổ đông**, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ”.

Căn cứ Khoản a, b, Mục 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp bao gồm công ty mẹ, công ty con, ...

Như vậy, VICEM (chiếm 79,5% cổ phần) là công ty mẹ và là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần của Vicem Bút Sơn; các công ty con của VICEM là người có liên quan của VICEM. Theo đó, để tuân thủ các quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn dự kiến ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng với Công ty CP VICEM thạch cao xi măng (là đơn vị thuộc đối tượng có liên quan của Công ty), cụ thể như sau:

STT	Tên đơn vị	Nội dung hợp đồng	Quan hệ với VICEM
1	Công ty CP VICEM thạch cao xi măng	Hợp đồng mua bán clinker	Công ty con

Để triển khai việc ký kết hợp đồng, Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị Công ty xem xét chấp thuận việc ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng năm 2024 với đơn vị có liên quan (*Dự thảo hợp đồng kèm theo*).

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, XNTT.

*[Handwritten signature]*



*[Handwritten signature]*  
**Đỗ Tiến Trình**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Dự thảo**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN CLINKER**

**Số: /BTS-XNTT**

***Các Bên căn cứ vào:***

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/6/2005;
- Văn bản ngày 11/4/2024 của Công ty CP VICEM thạch cao xi măng về việc đăng ký nhu cầu mua clinker năm 2024;
- Nhu cầu và khả năng của hai Bên,

Hôm nay, ngày tháng 4 năm 2024, tại Văn phòng Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn, các Bên gồm:

**I- BÊN BÁN: CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SƠN (gọi tắt là Bên A).**

- Địa chỉ: Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.
- Điện thoại: (0226) 3851323; fax (0226) 3851320.
- Đại diện: Ông **Đỗ Tiên Trình**, Chức vụ: Tổng giám đốc.
- Tài khoản:
  - 113000018726 tại NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam;
  - 4820000906 tại NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam;
  - 29004311010232 tại NH NN & PT Nông thôn Việt Nam - CN Hà Nam;
  - 0901008686868 tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam;
  - 2301122666888 tại NH TMCP Quân đội Việt Nam - CN Hà Nam;
  - 29004311010295 tại NH NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Hà Nam.

- Mã số thuế: 0700117613.

- Đơn vị thụ hưởng: **Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn.**

+ Tài khoản:

- 4820060201 tại NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam;
- 119000028747 tại NH Công thương Việt Nam - CN Hà Nam;
- 2301112828688 tại NH TMCP Quân đội Việt Nam - CN Ninh Bình.

## **II. BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG (gọi tắt là Bên B)**

- Địa chỉ: Số 24 Hà Nội, phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

- Điện thoại: 0234.3822328; fax: 0234.3825422.

- Đại diện: Ông **Trương Phú Cường**, Chức vụ: Giám đốc.

- Tài khoản: 111000020540 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Thừa Thiên Huế.

- Mã số thuế: 3300101300.

### **Xét rằng:**

- Bên A là đơn vị sản xuất xi măng có uy tín, năng lực và nhiều kinh nghiệm, đã cung cấp sản phẩm Clinker mang thương hiệu Vicem Bút Sơn cho các đơn vị, tổ chức trên địa bàn các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước;

- Bên B là đơn vị kinh doanh mua bán clinker, có đầy đủ năng lực để ký Hợp đồng này. Bên B đã tìm hiểu kỹ và đồng ý với toàn bộ các điều kiện mà Bên A đưa ra đối với tiêu chuẩn và điều kiện để được làm khách hàng tiêu thụ clinker Vicem Bút Sơn, chấp thuận hoàn toàn các điều kiện này,

Nay hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán clinker Vicem Bút Sơn năm 2024 với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

### **Điều 1. Giải thích từ ngữ**

1.1 “Hợp đồng”, “Hợp đồng này”: Là bản Hợp đồng mua bán clinker do đại diện hợp pháp của các Bên ký;

1.2 “Bên”, “các Bên”, “hai Bên”: Tùy theo ngữ cảnh được hiểu là Bên A, Bên B hoặc Bên A và Bên B hoặc Bên A, Bên B và các đơn vị khác liên quan Hợp đồng này;

1.3 “Phụ lục Hợp đồng”: Là văn bản sửa đổi và /hoặc bổ sung một hoặc nhiều nội dung của Hợp đồng và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng;

1.4 “Khách hàng”: Là các tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực theo quy định của pháp luật và quy định của Bên A đã ký Hợp đồng mua bán clinker với Bên A;

1.5 “Ngày”: Là bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật;

1.6 “Hàng hóa”: Là Clinker xi măng poóc lăng do bên A xuất bán;

1.7 “Xí nghiệp tiêu thụ”: Là tên viết tắt của Chi nhánh Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn - Xí nghiệp tiêu thụ là đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.

### **Điều 2. Nội dung Hợp đồng:**

2.1. Bên A đồng ý bán, Bên B đồng ý mua Clinker do Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7024: 2013 (sau đây gọi tắt là clinker, clinker Bút Sơn, clinker Vicem Bút Sơn hoặc hàng hóa).



## 2.2. Số lượng clinker mua bán: 5.000 tấn.

Căn cứ theo đăng ký mua clinker từng đợt của Bên B (gửi Bên A từ 01 - 02 ngày làm việc trước khi nhận hàng) và khả năng đáp ứng của Bên A (căn cứ vào điều kiện sản xuất của nhà máy) Bên A sẽ cân đối lượng clinker xuất cho bên B.

### Điều 3. Quy cách, chất lượng, ký mã hiệu của clinker mua bán:

Chất lượng phù hợp loại Clinker xi măng thông dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7024: 2013 và thỏa mãn các chỉ tiêu kỹ thuật sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Hoạt tính cường độ, N/mm <sup>2</sup> (Mpa), không nhỏ hơn	
	- 03 ngày ± 45 phút	25
	- 28 ngày ± 08 giờ	50
2	Cỡ hạt:	
	- Nhỏ hơn 5 mm, %, không lớn hơn	10
	- Nhỏ hơn 25 mm và lớn hơn 5 mm, %, không nhỏ hơn	50
3	Hàm lượng ma giê oxit (MgO), %, không lớn hơn	5,0
4	Hàm lượng canxi oxit tự do (CaO <sub>td</sub> ), %, không lớn hơn	2,0
5	- Hàm lượng kiềm tương đương: $Na_2O_{qd} = Na_2O + 0,658 K_2O$ , %, không lớn hơn	0,8
6	Hàm lượng cặn không tan (CKT), %, không lớn hơn	0,75
7	Hàm lượng mất khi nung (MKN), %, không lớn hơn	1,0
8	Độ ẩm, %, không lớn hơn	1,0

Tất cả các lô hàng được kiểm tra chất lượng theo kết quả của phòng Thí nghiệm Bên A. Bên A giao phiếu chất lượng cho Bên B theo từng lô clinker giao nhận.

Quy định khối lượng lô hàng kiểm soát chất lượng: 5.000 tấn/lô.

Trong trường hợp lô hàng có độ ẩm lớn hơn 1% thì được quy khô về 1% để tính số lượng. Kết quả này là cơ sở tính toán số lượng Clinker để Bên B thanh toán cho Bên A.

### Điều 4. Đơn giá, giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán:

4.1. Giá bán Clinker giao trên phương tiện Bên B tại máng xuất đường bộ của Bên A theo quyết định của Bên A ban hành tại từng thời điểm hoặc theo phụ lục hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện nếu có biến động về giá cả trên thị trường thì Bên A có quyền điều chỉnh giá bán clinker mới cho phù hợp. Bên A thông báo trước 01 ngày cho Bên B bằng văn bản, nếu hai Bên thống nhất không làm phụ lục bổ sung Hợp đồng thì văn bản thông báo của Bên A có giá trị pháp lý như một phụ lục kèm theo Hợp đồng. Trường hợp hai bên không thống nhất về đơn giá bán theo quyết định mới thì chấm dứt và thanh lý hợp đồng.



#### 4.2. Phương thức thanh toán:

a) Bên B thanh toán tiền mua clinker cho Bên A trước khi nhận hàng (cho từng tàu biển hoặc từng đợt), chuyển trả một lần hoặc nhiều lần nhưng trong mọi thời điểm Bên B nhận hàng luôn đảm bảo số dư có trên tài khoản của Bên A.

b) Bên A xuất hóa đơn GTGT cho Bên B trên cơ sở lượng hàng xuất thực tế theo từng chuyến xe. Lượng clinker xác định qua bàn cân điện tử Bên A là căn cứ xác định số lượng hàng thực xuất cho Bên B.

c) Nếu số lượng clinker thực tế giao nhận nhỏ hơn số lượng tương đương với số tiền Bên B đã chuyển thì Bên A sẽ chuyển trả hoặc bù trừ cho Bên B vào các đợt mua hàng tiếp theo.

d) Thanh toán thông qua hình thức đối trừ, bù trừ: Trong trường hợp Bên B có số dư có tại tài khoản của Bên A (do Bên B có ký kết và thực hiện các Hợp đồng với Bên A như: cung cấp vật tư đầu vào, vận chuyển, dịch vụ khác vv...) thì Bên A sẽ căn cứ vào giá trị đó để xuất giao clinker tương ứng cho Bên B.

e) Vào ngày 01 đến ngày 05 tháng sau, hai Bên tiến hành đối chiếu số lượng clinker đã thực hiện giao nhận và số tiền Bên B đã thanh toán, bù trừ trong tháng trước để làm cơ sở thanh quyết toán công nợ cuối kỳ.

#### 4.3. Chứng từ đối chiếu/ thanh quyết toán:

- Phiếu kết quả thử nghiệm chất lượng clinker từng lô của Bên A 03 ngày và 28 ngày.

- Hóa đơn GTGT của Bên A (theo quy định của Bộ Tài chính).

- Phiếu cân từng xe hàng, bảng tổng hợp các phiếu cân/ngày.

- Biên bản đối chiếu số lượng clinker giao nhận giữa hai Bên.

4.4. Hình thức thanh toán: chuyển khoản qua ngân hàng hoặc đối trừ công nợ (nếu có).

#### **Điều 5. Địa điểm và phương thức giao nhận clinker:**

##### 5.1. Địa điểm giao nhận:

Clinker giao nhận trên phương tiện vận chuyển của Bên B tại nhà máy sản xuất xi măng của Bên A: xã Thanh Sơn, Huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

##### 5.2. Phương thức giao nhận:

- Bên B nhận clinker tại máng xuất của Bên A bằng phương tiện ô tô. Bên A sẽ xuất giao Bên B clinker đảm bảo chất lượng theo Hợp đồng.

- Phương tiện của Bên B qua bàn cân điện tử của Bên A để cân trọng lượng bì xe, vào lấy hàng, cân trọng lượng xe có hàng, tính toán số lượng clinker thực tế trên xe.

- Việc giao nhận hàng tại Bên A được theo dõi, giám sát thông qua đại diện của các bộ phận giao hàng Bên A và đại diện có thẩm quyền đến nhận hàng của Bên B và /hoặc đơn vị vận chuyển được Bên B uỷ quyền.

#### **Điều 6. Kiểm tra, giám định chất lượng sản phẩm.**



a) Mẫu hàng hóa đại diện cho từng lô hàng giao nhận được lấy tại nhà máy sản xuất xi măng của Bên A (có sự chứng kiến của bên B), chia đều thành 03 mẫu (tối thiểu 10 kg/mẫu), trong đó:

+ Một mẫu: Phân tích tại phòng thí nghiệm Bên A.

+ Một mẫu: Giao cho Phòng thí nghiệm Bên B để kiểm tra đối chứng (nếu cần).

+ Một mẫu: Lưu tại Bên A (hai Bên ký niêm phong).

b) Chất lượng clinker được xác định bởi giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm do Phòng thí nghiệm Bên A phát hành.

c) Trong trường hợp kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm Bên B thể hiện chỉ tiêu chất lượng của lô hàng không đạt như các chỉ tiêu quy định tại Điều 3 của Hợp đồng thì hai Bên sẽ thương thảo để xử lý trên tinh thần hợp tác.

d) Nếu phát hiện chất lượng clinker Bút Sơn không đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này thì Bên B phải báo ngay cho Bên A biết để xác định nguyên nhân và tìm biện pháp xử lý kịp thời; nếu nguyên nhân là do Bên B bảo quản không tốt ảnh hưởng đến chất lượng clinker thì Bên B phải tự chịu trách nhiệm xử lý; nếu là lỗi do Bên A thì Bên A có trách nhiệm với toàn bộ sản phẩm không đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn của mình.

- Nếu hai Bên không thống nhất về chất lượng clinker thì sẽ tiến hành trưng cầu giám định của Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng, toàn bộ chi phí giám định và các chi phí liên quan do Bên có lỗi chi trả.

e) Sau 60 ngày kể từ ngày Bên B nhận clinker mà Bên B không có ý kiến phản ánh gì về hàng hóa đã nhận thì mẫu lưu được phép hủy và Bên A sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm gì về những khiếu nại sau đó của Bên B.

## **Điều 7. Trách nhiệm của hai Bên:**

### **7.1. Trách nhiệm của Bên A:**

a) Cung cấp clinker đúng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng đã nêu tại Điều 3 Hợp đồng này, đáp ứng yêu cầu của Bên B về số lượng và thời gian theo từng đơn hàng.

b) Cung cấp những chứng từ cần thiết đảm bảo tính pháp lý và chứng chỉ chất lượng từng lô hàng đã giao cho bên B (kết quả thử cơ lý 03 ngày trước khi cung cấp kết quả thử 28 ngày).

c) Chủ trì cùng Bên B để giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).

d) Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy định trong quá trình giao nhận clinker.

e) Bên A ủy quyền cho Xí nghiệp tiêu thụ - Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn thay mặt Bên A thực hiện các giao dịch liên quan đến Hợp đồng này.

### **7.2. Trách nhiệm của Bên B:**



a) Bên B đặt hàng thông qua tài khoản giao dịch trên hệ thống bán hàng trực tuyến do Bên A cấp cho Bên B hoặc đặt hàng qua số Fax, số điện thoại, địa chỉ E-mail mà Bên B đã đăng ký với Bên A. Bên B phải chịu trách nhiệm toàn bộ các nội dung giao dịch qua các hình thức trên. Đơn đặt hàng của Bên B phải ghi rõ chủng loại và số lượng clinker, hình thức vận chuyển, biển số phương tiện, tên lái xe, địa điểm nhận hàng, địa bàn tiêu thụ.

b) Chuẩn bị đủ phương tiện để tiếp nhận hàng. Phương tiện vận chuyển hàng của Bên B phải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, kỹ thuật và giấy tờ lưu hành hợp lệ. Người điều khiển và phương tiện vận chuyển hàng của Bên B phải có trách nhiệm và đáp ứng đầy đủ quy định về mục tiêu và chính sách môi trường của Bên A theo hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, cụ thể như sau:

- Phương tiện vận chuyển Bên B phải đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, có bạt che. Không để xăng, dầu, mỡ rò rỉ ra ngoài. Giảm thiểu khói bụi. Không làm bẩn, hư hỏng hệ thống đường, cống, cây xanh khu vực nhận hàng. Giảm thiểu các chất thải, chất thải nguy hại ra môi trường.

- Nếu phương tiện vận chuyển Bên B vi phạm một trong những điều kiện trên thì sẽ xử lý theo quy định bảo vệ môi trường của Bên A.

c) Bảo quản chất lượng, số lượng clinker trong suốt quá trình từ khi hàng ra khỏi cổng Nhà máy xi măng Bên A cho đến khi giao cho người sử dụng. Khi hàng đã ra khỏi cổng Nhà máy thì Bên A không chịu trách nhiệm bảo quản hàng và số lượng hàng đã giao cho Bên B.

d) Phối hợp cùng Bên A để giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).

e) Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của Bên A trong quá trình giao nhận clinker.

f) Bồi thường cho các Bên liên quan tất cả những rủi ro xảy ra đối với hàng hoá, phương tiện, người trong quá trình giao nhận và vận chuyển hàng mà nguyên nhân do lỗi của Bên B.

g) Có quyền từ chối không nhận hàng nếu Bên A không giao hàng đúng chủng loại, chất lượng đã ghi trong Hợp đồng.

h) Thanh toán tiền hàng cho Bên A đầy đủ, đúng hạn theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng.

### **Điều 8. Điều kiện bất khả kháng:**

8.1. Cả hai Bên đều không có trách nhiệm khi không hoàn thành một phần hay toàn bộ các điều khoản ghi trong Hợp đồng này nếu các nghĩa vụ đó không thể thực hiện và khắc phục được, gây nên bởi những nguyên nhân khách quan khác nhau vượt quá tầm kiểm soát và dự kiến của các Bên, các Bên không biết và không thể biết trước được sẽ xảy ra, được hai Bên công nhận là "điều kiện bất khả kháng" như: Chiến tranh, bạo loạn, thiên tai, hỏa hoạn vv...



8.2. Nếu điều kiện bất khả kháng xảy ra thì bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho bên đối tác biết trong vòng 05 ngày bằng văn bản, đồng thời tích cực giải quyết hậu quả kể cả việc bồi thường cho các Bên liên quan.

8.3. Việc giải quyết điều kiện bất khả kháng phải được tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật về Hợp đồng kinh tế. Trong vòng 01 tháng sau khi kết thúc điều kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng phải tiếp tục thực hiện trách nhiệm của mình trong Hợp đồng.

#### **Điều 9. Giải quyết tranh chấp:**

9.1. Khi xảy ra khiếu kiện, khiếu nại về chất lượng clinker thì Bên B hoặc khách hàng sử dụng clinker phải có đầy đủ mẫu clinker và các chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa.

9.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh tranh chấp giữa Bên A và Bên B thì trước hết hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải và hợp tác trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi bên. Trường hợp hai Bên không thể giải quyết thông qua thương lượng thì một trong các Bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Bên A có địa chỉ trụ sở để giải quyết theo luật định. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành đối với các Bên. Bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án có trách nhiệm chi trả mọi chi phí tố tụng.

#### **Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng:**

10.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024. Khi Hợp đồng hết thời gian hiệu lực, mỗi bên đều phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ còn tồn đọng, chưa thực hiện của mình theo các điều khoản của Hợp đồng và các Phụ lục của Hợp đồng này.

10.2. Hợp đồng này tự động chấm dứt hiệu lực trong những trường hợp sau:

a) Theo thỏa thuận bằng văn bản được hai Bên ký kết.

b) Do việc thay đổi chính sách, quy định của Chính phủ, Nhà nước hay của những cơ quan hữu quan mà điều đó làm cho một bên không thể tiếp tục thực hiện được Hợp đồng nữa. Trường hợp này bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng phải thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ cho những công việc đã được thực hiện.

c) Khi hai Bên hoàn thành mọi nghĩa vụ với nhau theo quy định của Hợp đồng này thì hai Bên sẽ ký biên bản thanh lý Hợp đồng hoặc Hợp đồng coi như đã được thanh lý.

d) Trong trường hợp Bên A gửi Biên bản thanh lý cho Bên B qua đường bưu điện, sau 20 ngày kể từ ngày Bên B nhận được Biên bản thanh lý (theo xác nhận của bưu điện) mà Bên A vẫn không nhận được Biên bản thanh lý do Bên B gửi lại cho Bên A thì coi như Bên B đã chấp nhận Biên bản thanh lý đó.

#### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

11.1. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này, không được đơn phương sửa đổi hoặc hủy bỏ Hợp đồng. Nếu bên nào



không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ Hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

11.2. Các văn bản, quyết định thông báo về giá bán,... và các quy định khác được Bên A ký chính thức gửi cho Bên B trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực được xem là những phần không thể tách rời Hợp đồng này. Trong trường hợp cần thiết thì hai Bên sẽ ký Phụ lục Hợp đồng.

11.3. Những quy định của nhà nước liên quan đến Hợp đồng này không đề cập ở đây thì bắt buộc các Bên phải tuân theo.

11.4. Trao đổi thông tin giữa các Bên: Các Bên có thể thực hiện việc trao đổi thông tin thông qua các hình thức như: Fax, điện thoại, e-mail, công văn, thư tín hoặc hình thức khác hợp lệ và chịu trách nhiệm hoàn toàn các nội dung thông qua các hình thức trao đổi thông tin trên.

11.5. Hợp đồng sẽ vẫn còn giá trị ràng buộc thực hiện giữa hai Bên nếu có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên hay việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mà mỗi Bên thực hiện sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

11.6. Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản chính bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bản gồm 08 (tám) trang 11 (mười một) điều; Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trương Phú Cường**

**Đỗ Tiên Trinh**

